

Số: 251/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí xử lý vụ việc cạnh tranh**

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, gồm: phí xử lý vụ việc cạnh tranh; phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan quản lý cạnh tranh có thẩm quyền xử lý vụ việc cạnh tranh; giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh;

b) Cơ quan quản lý cạnh tranh có thẩm quyền xử lý vụ việc cạnh tranh; giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp phí xử lý vụ việc cạnh tranh; phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh.

Điều 2. Người nộp phí

1. Người nộp phí xử lý vụ việc cạnh tranh là các bên theo quy định tại Điều 63 Luật cạnh tranh.

2. Người nộp phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 71 Luật cạnh tranh.

3. Người nộp phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh là bên nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 30 Luật cạnh tranh.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Cục Quản lý cạnh tranh (trực thuộc Bộ Công thương) có thẩm quyền xử lý vụ việc cạnh tranh, giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh là tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức phí xử lý vụ việc cạnh tranh:

a) Đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là 10.000.000 đồng/vụ việc;

b) Đối với hành vi hạn chế cạnh tranh là 100.000.000 đồng/vụ việc.

2. Mức phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 10.000.000 đồng/vụ việc.

3. Mức phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh là 50.000.000 đồng/hồ sơ.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Đối với người nộp phí thực hiện như sau:

a) Bên khiếu nại theo quy định tại Điều 58 Luật cạnh tranh phải nộp tạm ứng phí xử lý vụ việc cạnh bằng 50% mức phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

- Trường hợp bên khiếu nại không phải chịu phí theo quy định tại Điều 63 Luật cạnh tranh thì tổ chức thu phí trả lại toàn bộ phí tạm ứng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực pháp luật; bên bị khiếu nại phải nộp 100% mức phí xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.